HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2008/NQ-HĐND	*Cần Thơ, ngày 18 tháng 6 năm 2008*

NGHỊ QUYẾT

VỀ VIỆC SỬA ĐỔI MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 12/2007/NQ-HĐND NGÀY 07 THÁNG 12 NĂM 2007 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ VỀ VIỆC THÔNG QUA GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2008

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP;

Theo Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc sửa đổi một số quy định của Nghị quyết số 12/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Thông qua Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc sửa đổi một số quy định của Nghị quyết số 12/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (kèm theo Bản sửa đổi một số quy định của Nghị quyết số 12/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ).

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực sau mười ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa VII, kỳ họp thứ mười bốn thông qua và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Quyên

BẢN SỬA ĐỔI MỘT SỐ QUY ĐỊNH

CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 12/2007/NQ-HĐND NGÀY 07 THÁNG 12 NĂM 2007 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2008/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

1. QUẬN NINH KIỀU:

Sửa đổi điểm 1.1, khoản 1, Mục II quy định mức giá các loại đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ như sau :

1.1. Đất nông nghiệp: Chia thành 01 khu vực, 02 vị trí, mức giá không thay đổi.

- Vị trí 1: Áp dụng cho các phường: An Cư, An Hội, An Phú, An Nghiệp, Tân An, An Lạc, Thới Bình, Xuân Khánh, An Hòa, Cái Khế, An Khánh; tổ 1, 2, 3, 4, 5, 5A thuộc khu vực 1 phường An Bình; tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6 thuộc khu vực 3 phường An Bình; tổ 1, 2, 3, 3A, 4, 5 thuộc khu vực 5 phường An Bình; tổ 6, 7, 8, 9 thuộc khu vực 6 phường An Bình; tổ 2, 2A, 2B, tổ 14 thuộc khu vực 7 phường An Bình; tổ 1, 1B, tổ 3 thuộc khu vực 8 phường An Bình; tổ 6, 7, 8, 9, 10, 10A thuộc khu vực 4 phường An Bình; tổ 6, 7, 8 thuộc khu vực 2 phường An Bình.

- Vị trí 2: Áp dụng cho: Khu vực cồn Khương thuộc phường Cái Khế; tổ 10, 11, 12, 13 thuộc khu vực 7 phường An Bình; tổ 4, 5, 6, 7 thuộc khu vực 8 phường An Bình.

a) Đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: đồng/m2

Vị trí	Giá đất
Vị trí 1	108.000
Vị trí 2	90.000

b) Đất trồng cây lâu năm:

Đơn vị tính: đồng/m2

Vị trí	Giá đất
Vị trí 1	126.000
Vị trí 2	105.000

2. QUẬN BÌNH THỦY:

Sửa đổi điểm 2.1, khoản 2, Mục II quy định mức giá các loại đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ như sau:

2.1. Đất nông nghiệp: Chia thành 01 khu vực, 02 vị trí, mức giá không thay đổi.

- Vị trí 1: Áp dụng cho các phường: An Thới, Bình Thủy, Bùi Hữu Nghĩa, Trà An, Trà Nóc.

- Vị trí 2: Áp dụng cho các phường: Long Tuyền, Long Hòa, Thới An Đông.

a) Đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: đồng/m2

Vị trí	Giá đất

Vị trí 1	108.000
Vị trí 2	90.000

b) Đất trồng cây lâu năm:

Đơn vị tính: đồng/m2

Vị trí	Giá đất
Vị trí 1	126.000
Vị trí 2	105.000

3. QUẬN CÁI RĂNG:

Sửa đổi điểm 3.1, khoản 3 Mục II quy định mức giá các loại đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2007/NQ-HĐND ngày 07/12/2007 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ như sau:

3.1. Đất nông nghiệp: Chia thành 02 khu vực, mỗi khu vực 02 vị trí, mức giá không thay đổi.

- Khu vực 1: Áp dụng cho các phường: Lê Bình, Hưng Thạnh, Hưng Phú, một phần phường Ba Láng (khu vực I, II); khu vực Phú Quới thuộc phường Thường Thạnh.

- Khu vực 2: Áp dụng cho các phường: Tân Phú, phường Phú Thứ; phần còn lại của các phường: Thường Thạnh, Ba Láng.

- Vị trí 1: Áp dụng cho các phường trong quận, khu vực nơi có trụ sở Ủy ban nhân dân phường, đất có mặt tiền giáp quốc lộ, tỉnh lộ qua các phường.

- Vị trí 2: Áp dụng cho các thửa đất còn lại.

a) Đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: đồng/m2

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2
Vị trí 1	108.000	90.000
Vị trí 2	89.600	74.700

b) Đất trồng cây lâu năm:

Đơn vị tính: đồng/m2

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2
Vị trí 1	126.000	105.000
Vị trí 2	104.600	87.200

4. QUẬN Ô MÔN:

Sửa đổi điểm 4.1, khoản 4, Mục II quy định mức giá các loại đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ như sau :

4.1. Đất nông nghiệp: Chia thành 02 khu vực, mỗi khu vực 03 vị trí, mức giá không thay đổi.

- Khu vực 1: Áp dụng cho các phường: Phước Thới, Châu Văn Liêm, Thới Hòa, Long Hưng.

- Khu vực 2: Áp dụng cho các phường: Thới Long, Thới An, Trường Lạc.

- Vị trí 1: Áp dụng cho các phường trong quận, khu vực nơi có trụ sở Ủy ban nhân dân phường, đất có mặt tiền giáp quốc lộ, tỉnh lộ qua các phường.

- Vị trí 2: Áp dụng cho các thửa đất có mặt tiền giáp đường ô tô quận qua các phường; đất có mặt tiền cách mương lộ tiếp giáp với quốc lộ, tỉnh lộ qua các phường.

- Vị trí 3: Áp dụng cho các thửa đất còn lại.

a) Đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: đồng/m2

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2
Vị trí 1	108.000	90.000
Vị trí 2	89.600	74.700
Vị trí 3	75.600	63.000

b) Đất trồng cây lâu năm:

Đơn vị tính: đồng/m2

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2
Vị trí 1	126.000	105.000
Vị trí 2	104.600	87.200
Vị trí 3	88.200	73.500

5. HUYỆN THỐT NỐT:

Sửa đổi điểm 5.1, khoản 5, Mục II quy định mức giá các loại đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ như sau:

5.1. Đất nông nghiệp: chia thành 02 khu vực, 04 vị trí, mức giá không thay đổi.

- Khu vực 1: Áp dụng cho thị trấn Thốt Nốt, các xã: Thới Thuận, Thuận Hưng, Tân Hưng, Trung Kiên, Trung An, Trung Nhứt và Tân Lộc.

- Khu vực 2: Áp dụng cho xã Trung Thạnh.

- Vị trí 1: Áp dụng cho thị trấn; ấp nơi có trụ sở Ủy ban nhân dân xã; đất có mặt tiền giáp quốc lộ, tỉnh lộ qua xã (nếu có).

- Vị trí 2: Áp dụng cho các thửa đất có mặt tiền giáp đường ô tô huyện qua xã (nếu có), đất có mặt tiền cách mương lộ tiếp giáp với quốc lộ, tỉnh lộ qua các xã.

- Vị trí 3: Áp dụng cho các thửa đất có mặt tiền giáp đường xe 02 bánh tại xã.

- Vị trí 4: Áp dụng cho các thửa đất còn lại.

a) Đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: đồng/m2

Hạng đất	Khu vực 1	Khu vực 2
Vị trí 1	108.000	90.000
Vị trí 2	89.600	74.700
Vị trí 3	75.600	63.000
Vị trí 4	54.000	45.000

b) Đất trồng cây lâu năm:

Đơn vị tính: đồng/m2

Hạng đất	Khu vực 1	Khu vực 2
Vị trí 1	126.000	105.000
Vị trí 2	104.600	87.200
Vị trí 3	88.200	73.500
Vị trí 4	63.000	52.500

6. HUYỆN CỜ ĐỎ:

Sửa đổi điểm 6.1, khoản 6, Mục II quy định mức giá các loại đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ như sau :

6.1. Đất nông nghiệp: chia thành 02 khu vực, 04 vị trí, mức giá không thay đổi.

- Khu vực 1: Áp dụng cho thị trấn Thới Lai, thị trấn Cờ Đỏ.

- Khu vực 2: Áp dụng cho các xã: Thới Thạnh, Xuân Thắng, Đông Hiệp, Thới Hưng, Trường Xuân, Định Môn, Trường Thành, Thới Lai, Đông Thuận, Đông Bình, Thới Đông và Trường Xuân A.

- Vị trí 1: Áp dụng cho thị trấn; ấp nơi có trụ sở Ủy ban nhân dân xã; đất có mặt tiền giáp quốc lộ, tỉnh lộ qua các xã (nếu có).

- Vị trí 2: Áp dụng cho các thửa đất có mặt tiền giáp đường ô tô huyện qua các xã (nếu có); đất có mặt tiền cách mương lộ tiếp giáp với quốc lộ, tỉnh lộ qua các xã.

- Vị trí 3: Áp dụng cho các thửa đất có mặt tiền giáp đường xe 02 bánh tại các xã.

- Vị trí 4: Áp dụng cho các thửa đất còn lại.

a) Đất trồng cây hàng năm đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: đồng/m2

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2

Vị trí 1	72.000	63.000
Vị trí 2	59.800	52.300
Vị trí 3	50.400	44.000
Vị trí 4	36.000	31.500

b) Đất trồng cây lâu năm:

Đơn vị tính: đồng/m2

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2
Vị trí 1	84.000	73.500
Vị trí 2	69.700	61.000
Vị trí 3	58.800	51.500
Vị trí 4	42.000	36.800

7. HUYỆN VĨNH THẠNH:

Sửa đổi điểm 7.1, khoản 7, Mục II quy định mức giá các loại đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ như sau:

7.1. Đất nông nghiệp: Chia thành 02 khu vực, 02 vị trí, mức giá không thay đổi.

- Khu vực 1: Áp dụng cho các xã: Vĩnh Trinh, Thạnh Mỹ, Thạnh Quới, Thạnh An, Thạnh Tiến; thị trấn Vĩnh Thạnh.

- Khu vực 2: Áp dụng cho các xã còn lại.

- Vị trí 1: Áp dụng cho thị trấn; ấp nơi có trụ sở Ủy ban nhân dân xã; đất có mặt tiền giáp quốc lộ, tỉnh lộ qua các xã.

- Vị trí 2: Áp dụng cho các thửa đất còn lại.

a) Đất trồng cây hàng năm:

Đơn vị tính: đồng/m2

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2
Vị trí 1	40.000	35.000
Vị trí 2	35.000	30.000

b) Đất trồng cây lâu năm:

Đơn vị tính: đồng/m2

Vị trí	Giá đất
Vị trí 1	58.800
Vị trí 2	51.500

c) Đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: đồng/m2

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2
Vị trí 1	59.800	52.300
Vị trí 2	50.400	44.000

8. HUYỆN PHONG ĐIỀN:

Sửa đổi điểm 8.1, khoản 8, Mục II quy định mức giá các loại đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ như sau:

8.1. Đất nông nghiệp: chia thành 02 khu vực, 03 vị trí, mức giá không thay đổi.

- Khu vực 1: Áp dụng cho các xã: Mỹ Khánh, Nhơn Ái, Nhơn Nghĩa, Tân Thới và Giai Xuân.

- Khu vực 2: Áp dụng cho xã Trường Long.

- Vị trí 1: Áp dụng cho thị trấn; ấp nơi có trụ sở Ủy ban nhân dân xã, đất có mặt tiền giáp đường ô tô qua huyện.

- Vị trí 2: Áp dụng cho các thửa đất có mặt tiền giáp đường xe 02 bánh qua các xã.

- Vị trí 3: Áp dụng cho các thửa đất còn lại.

a) Đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: đồng/m2

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2
Vị trí 1	72.000	63.000
Vị trí 2	59.800	52.300
Vị trí 3	50.400	44.000

b) Đất trồng cây lâu năm:

Đơn vị tính: đồng/m2

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2
Vị trí 1	84.000	73.500

Vị trí 2	69.700	61.000
Vị trí 3	58.800	51.500